

Số: 2814/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 06 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt vỗ béo chất lượng cao trên địa bàn huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh về chính sách liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2019-2025;

Căn cứ Quyết định số 64/2023/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định mức hỗ trợ thực hiện một số dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 138/TTr-SLĐTBXH ngày 24/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt vỗ béo chất lượng cao trên địa bàn huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt vỗ béo chất lượng cao trên địa bàn huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. Đơn vị chủ trì liên kết: Hợp tác xã nông nghiệp Thanh niên Hoài Ân.

- Người đại diện theo pháp luật: Lê Quốc Lập.
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.
- Địa chỉ: Thôn Gia Trì, xã Ân Đức, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 4101576189, đăng ký lần đầu ngày 07/10/2020, thay đổi lần 6 ngày 13/03/2024.

3. Các bên tham gia liên kết

- Đơn vị tiêu thụ sản phẩm: Công ty TNHH sản xuất thương mại Thủy Thiên do bà Phan Thị Thủy là người đại diện theo pháp luật, Hộ kinh doanh Trương Thị Niệm do bà Trương Thị Niệm là chủ hộ.

- Số hộ nông dân tham gia liên kết: 80 hộ dân (39 hộ nghèo, 33 hộ cận nghèo, 08 hộ mới thoát nghèo) sinh sống trên địa bàn 04 xã Ân Đức (12 hộ nghèo, 10 hộ cận nghèo), Ân Hữu (04 hộ nghèo, 09 hộ cận nghèo, 07 hộ mới thoát nghèo), Ân Thạnh (06 hộ nghèo, 11 hộ cận nghèo, 01 hộ mới thoát nghèo), Ân Phong (17 hộ nghèo, 03 hộ cận nghèo), huyện Hoài Ân.

(Có danh sách kèm theo)

4. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết: Bò thịt vỗ béo.

5. Quy mô, hình thức liên kết:

- Quy mô liên kết: chăn nuôi nông hộ, mỗi hộ 2 con, tổng đàn 160 con.
- Hình thức liên kết: Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

6. Địa bàn thực hiện: Trên địa bàn 04 xã Ân Đức, Ân Hữu, Ân Thạnh, Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

7. Thời gian triển khai thực hiện: 09 tháng từ tháng 8/2024 đến tháng 04/2025).

8. Cơ quan quản lý dự án: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

9. Mục tiêu dự án

9.1. Mục tiêu chung

Xây dựng chuỗi liên kết trong chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt vỗ béo chất lượng cao nhằm hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo sống trên địa bàn 4 xã Ân Phong, Ân Hữu, Ân Đức, Ân Thạnh huyện Hoài Ân có điều kiện tham gia chuỗi liên kết trong sản xuất nhằm tạo việc làm, đem lại nguồn thu nhập, có sinh kế ổn định, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và vươn lên thoát nghèo. Đồng thời, đảm bảo nguồn cung cấp bò thịt ổn định, có chất lượng cao cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh.

9.2. Mục tiêu cụ thể

- Hỗ trợ cho 80 hộ dân tham gia dự án có việc làm, có điều kiện phát triển kinh tế hộ gia đình thông qua việc hỗ trợ giống vật nuôi và các vật tư thiết yếu phục vụ chăn nuôi. Tạo nguồn thu nhập cho hộ tham gia dự án liên kết sau khi xuất bán bò trên 90 triệu đồng/hộ. Phấn đấu có từ 24 hộ trở lên thoát nghèo, đạt tỷ lệ 30%.

- Hình thành chuỗi liên kết từ việc cung ứng bò giống chất lượng cao, tạo vùng nuôi bò thịt chất lượng, hiệu quả, đảm bảo đầu ra được bao tiêu ổn định về giá cả; tạo nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định để đáp ứng nhu cầu chế biến và phát triển sản phẩm OCOP của đơn vị chủ trì liên kết; cung cấp bò thịt chất lượng cho người tiêu dùng địa phương, các huyện lân cận trong tỉnh và thị trường ngoài tỉnh. Sau khi dự án kết thúc, Hợp tác xã và các Doanh nghiệp trong chuỗi liên kết tiếp tục đồng hành với người dân và chính quyền địa phương để nhân rộng mô hình chăn nuôi bò thịt vỗ béo trên địa bàn toàn huyện và bao tiêu toàn bộ sản phẩm của bà con nông dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Giảm thiểu tối đa tác động của vùng nuôi đến môi trường xung quanh bằng cách thu gom và xử lý chất thải tại khu vực nuôi nhốt gia súc. Đầu tư xử lý chất thải, nước thải thông qua hệ thống hầm, hố ủ và bã thải từ hệ thống này được đưa ra tận dụng làm phân bón cho cây trồng; làm tăng độ phì của đất. Đồng thời, toàn bộ khu vực chăn nuôi sử dụng nguồn nước sạch, thực hiện quy trình chăn nuôi đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm và có hiệu quả.

10. Tổng kinh phí, cơ cấu nguồn vốn

10.1 Tổng kinh phí thực hiện dự án: **6.005.231.000 đồng** (Sáu tỷ, không trăm lẻ năm triệu, hai trăm hai mươi một ngàn đồng), bao gồm:

- Nhà nước hỗ trợ: 2.996.767.000 đồng.
- Đối ứng của hộ dân: 2.950.864.000 đồng.
- Đối ứng của Hợp tác xã nông nghiệp Thanh niên Hoài Ân: 57.600.000 đồng.

10.2. Phân kỳ kinh phí thực hiện qua các tháng

Đơn vị tính: đồng

Mục	Nội dung	Chia ra các nguồn vốn			Thời gian thực hiện
		Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Đối ứng của người dân	Đối ứng của HTX	
	Tổng dự toán	2.996.767.000	2.950.864.000	57.600.000	
	Tỷ lệ kinh phí (%)	66,93	65,90	1,29	
1	Chi phí giống vật nuôi, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, chuồng trại	2.806.864.000	1.670.864.000		Từ tháng 8/2024 đến 12/2024
2	Công chăn nuôi của hộ		1.280.000.000		Từ tháng 8/2024 đến 03/2025

3	Tập huấn kỹ thuật	47.200.000			
-	Tập huấn đợt 1 (trước khi nhận bò giống)	23.600.000			Tháng 8/2024
-	Tập huấn đợt 2 (sau khi nhận bò giống được 1 tháng)	23.600.000			Tháng 9/2024
4	Chi phí cán bộ kỹ thuật hướng dẫn, trực tiếp theo dõi dự án			57.600.000	Từ tháng 8/2024 đến 04/2025
5	Chi phí quản lý, xây dựng dự án (2,37%)	142.703.000			Từ tháng 8/2024 đến 04/2025

11. Nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

11.1 Nội dung và mức hỗ trợ

Tổng kinh phí nhà nước hỗ trợ: 2.996.767.000 đồng. Trong đó:

a) Hỗ trợ chi phí giống vật nuôi, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi: 2.806.864.000 đồng, cụ thể:

- Bò giống: 2.448.000.000 đồng.
- Thuốc thú y (thuốc tẩy nội ngoại ký sinh trùng, thuốc bổ): 16.000.000 đồng.
- Thức ăn chăn nuôi (thức ăn phối trộn, cỏ ủ tươi): 342.864.000 đồng.
- Thời gian thực hiện: Tháng 8 năm 2024 đến tháng 4 năm 2025.

b) Hỗ trợ tập huấn (08 lớp, mỗi lớp 20 người với 2 thời điểm cụ thể là trước khi giao bò giống và sau khi giao bò giống được 01 tháng): 47.200.000 đồng, cụ thể:

- Nội dung tập huấn: Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chăn nuôi vỗ béo bò thịt chất lượng cao, kỹ thuật phòng và trị bệnh cho bò, kỹ thuật trồng và chăm sóc cỏ, sản xuất và chế biến một số loại thức ăn xanh trong chăn nuôi, kỹ thuật vỗ béo bò thịt, chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi, công tác thú y trong chăn nuôi bò thịt, quản lý bò và cách tính hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi bò thịt. Mỗi hộ tham gia 2 đợt tập huấn.

- Đối tượng, số lượng tham gia: cho 80 hộ dân tham gia Dự án liên kết

- Địa điểm: Hội trường UBND các xã Ân Đức, Ân Hữu, Ân Thạnh, Ân Phong, huyện Hoài Ân

- Thời gian thực hiện: Năm 2024

c) Hỗ trợ chi phí xây dựng và quản lý dự án: 142.703.000 đồng (tương đương 2,37% tổng kinh phí thực hiện dự án)

- Nội dung: Chi khảo sát, xác định lựa chọn địa bàn thực hiện, đối tượng tham gia dự án; chi phí tổ chức thẩm định thực tế của Tổ công tác giúp việc cho Hội đồng thẩm định; chi họp Hội đồng thẩm định; chi Hội nghị triển khai; chi Hội nghị tổng kết; chi phí khác theo quy định Khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Thời gian thực hiện: Tháng 8 năm 2024 đến tháng 4 năm 2025

11.2 Định mức chi

Thực hiện theo Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

12. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ: Từ nguồn vốn ngân sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021- 2025 tại Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024.

13. Phương thức mua sắm và đầu mối thực hiện phương thức mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước

Giao chủ trì liên kết thực hiện việc tự mua sắm theo dự toán kinh phí được phê duyệt tại Quyết định này và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án cho đơn vị được giao vốn thực hiện dự án để thanh quyết toán và lưu giữ chứng từ theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

14. Phương án tài chính xử lý các rủi ro: Cơ quan quản lý dự án, Chủ trì liên kết và các hộ nông dân tham gia dự án mời các cơ quan liên quan lập biên bản xác định mức độ thiệt hại đề xuất giải pháp xử lý.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Căn cứ quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và quy định tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện ký kết Hợp đồng với chủ trì liên kết, giao chủ trì liên kết tự mua sắm giống vật nuôi, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi và một số nội dung khác

theo đề xuất của chủ trì liên kết; thực hiện dự án lưu giữ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án để thanh quyết toán theo quy định.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh là thành viên Hội đồng thẩm định tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án trên địa bàn;

2. Các Sở, ban, ngành của tỉnh

- Các Sở, ban, ngành của tỉnh là thành viên Hội đồng thẩm định phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Hoài Ân kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án liên kết đảm bảo đạt các mục tiêu dự án được phê duyệt.

- Phối hợp đề xuất UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để kịp thời tháo gỡ cho các bên tham gia liên kết.

3. UBND huyện Hoài Ân

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai dự án liên kết chuỗi giá trị trên địa bàn; Giao phòng chuyên môn phối hợp với Chủ trì dự án tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả dự án; báo cáo kết quả thực hiện dự án cuối năm (trước 20/12) và sau khi dự án kết thúc; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết.

- Chỉ đạo UBND 04 xã Ân Đức, Ân Hữu, Ân Thạnh, Ân Phong phối hợp với chủ trì liên kết, các hộ dân tham gia dự án trên địa bàn triển khai thực hiện đúng thỏa thuận về quyền hạn, nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết, thực hiện kinh phí đối ứng các nội dung hỗ trợ, đảm bảo tiến độ và thời gian hoàn thành của dự án. Kiểm tra, giám sát và nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để các cấp, các ngành kịp thời đề xuất, tháo gỡ. Hướng dẫn, phối hợp với chủ trì liên kết thực hiện chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các hộ dân tự ý mua, bán, trao đổi bò giống được cấp; và các trường hợp rủi ro khi bò ốm đau, dịch bệnh.

4. Hợp tác xã Nông nghiệp Thanh niên Hoài Ân

- Là đơn vị Chủ trì thực hiện dự án; Tuân thủ thực hiện nghiêm túc, đầy đủ theo bản thỏa thuận của các bên tham gia liên kết; thực hiện kinh phí đối ứng các nội dung hỗ trợ, đảm bảo tiến độ và thời gian hoàn thành của dự án; sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức theo quyết định được phê duyệt dự án; chấp hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật, hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước khi không thực hiện đầy đủ các nội dung, tiến độ theo cam kết của dự án liên kết được phê duyệt; định kỳ báo cáo cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án. Tổng hợp các vấn đề phát sinh, vướng mắc không giải quyết được báo cáo UBND các xã có hộ nông dân tham gia dự án, Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân để hướng dẫn, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học

và Kỹ thuật tỉnh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hoài Ân; Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp Thanh niên Hoài Ân; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các hộ nông dân tham gia liên kết chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các TV HĐND;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K20.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC SỐ 1
DANH SÁCH HỘ NÔNG DÂN THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT CHĂN NUÔI VÀ
TIÊU THỤ BÒ THỊT VỎ BÉO CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
HOÀI AN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

TT	Họ và tên	CCCD	Địa chỉ (thôn – xã)	Đối tượng
1	Trần Văn Tàn	052081003809	Vĩnh Hòa – Ân Đức	Hộ nghèo
2	Nguyễn Thanh Lĩnh	052081001787	Vĩnh Hòa – Ân Đức	Hộ Cận nghèo
3	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	033178008538	Vĩnh Hòa – Ân Đức	Hộ Cận nghèo
4	Giang Thị Hạnh	052173007329	Vĩnh Hòa – Ân Đức	Hộ nghèo
5	Phan Văn Công	052054009988	Phú Thuận – Ân Đức	Hộ Cận nghèo
6	Nguyễn Ngọc Ánh	052085004869	Phú Thuận – Ân Đức	Hộ nghèo
7	Trần Thị Ý	052182011426	Phú Thuận – Ân Đức	Hộ nghèo
8	Phan Đức Minh	052064011590	Phú Thuận – Ân Đức	Hộ Cận nghèo
9	Nguyễn Thị Dung	052146002532	Gia Trị – Ân Đức	Hộ nghèo
10	Lê Thị Bích Liêu	052192016927	Gia Trị – Ân Đức	Hộ Cận nghèo
11	Chế Hôn	052052000850	Gia Trị – Ân Đức	Hộ nghèo
12	Nguyễn Thị Bình	052171008045	Gia Trị – Ân Đức	Hộ cận nghèo
13	Nguyễn Thị Kẽm	052157012237	Gia Trị – Ân Đức	Hộ cận nghèo
14	Nguyễn Thị Bốn	052164012160	Gia Đức – Ân Đức	Hộ nghèo
15	Trần Ngọc An	052049006194	Gia Đức – Ân Đức	Hộ Cận nghèo
16	Trần Thị Ê	052150000405	Gia Đức – Ân Đức	Hộ Cận nghèo
17	Nguyễn Thị Đức	052160004797	Gia Đức – Ân Đức	Hộ nghèo
18	Trần Văn Khương	052069014212	Gia Đức – Ân Đức	Hộ nghèo
19	Đỗ Thị Thanh Hoa	052176018790	Gia Đức – Ân Đức	Hộ Cận nghèo
20	Nguyễn Thị Tươi	035176011441	Khoa Trường – Ân Đức	Hộ nghèo
21	Đặng Phước Gia	052083016624	Khoa Trường – Ân Đức	Hộ nghèo

22	Lê Thị Bích Vân	052179001926	Khoa Trường – Ân Đức	Hộ nghèo
23	Nguyễn Thị Gái	052177015626	Phú Văn 1 – Ân Hữu	Hộ cận nghèo
24	Ngô Thị Cúc	052175011359	Phú Văn 1 – Ân Hữu	Hộ mới thoát nghèo
25	Cao Thị Xuôi	052161007040	Phú Văn 1 – Ân Hữu	Thoát nghèo
26	Phan Tư Tịnh	052071013799	Phú Văn 1 – Ân Hữu	Thoát nghèo
27	Phan Chí Linh	052188017931	Phú Văn 1 – Ân Hữu	Hộ mới thoát nghèo
28	Phạm Văn Mà	052057009819	Phú Văn 1 – Ân Hữu	Hộ mới thoát nghèo
29	Võ Văn Vàng	052045002679	Phú Văn 2 – Ân Hữu	Hộ cận nghèo
30	Hồ Thị Bích Phượng	052186009330	Phú Văn 2 – Ân Hữu	Hộ Nghèo
31	Nguyễn Thị Phượng	052172032537	Phú Văn 2 – Ân Hữu	Hộ Nghèo
32	Nguyễn Văn Khương	052050004207	Phú Văn 2 – Ân Hữu	Hộ cận nghèo
33	Nguyễn Thị Anh	052150007018	Liên Hội – Ân Hữu	Hộ nghèo
34	Nguyễn Thị An	0521410038455	Liên Hội – Ân Hữu	Hộ cận nghèo
35	Nguyễn Thị Năm	052150011557	Liên Hội – Ân Hữu	Hộ mới thoát nghèo
36	Đỗ Châu Ánh	052156011302	Liên Hội – Ân Hữu	Hộ cận nghèo
37	Trần Thị Bình	0521500006820	Liên Hội – Ân Hữu	Hộ cận nghèo
38	Võ Thanh Hoàn	052097008422	Hà Đông – Ân Hữu	Hộ cận nghèo
39	Nguyễn Xuân Nghiệm	052080014751	Hà Đông – Ân Hữu	Hộ cận nghèo
40	Đoàn Thị Việt	052182010054	Hà Đông – Ân Hữu	Hộ nghèo
41	Nguyễn Xuân Tạo	052085009106	Hà Đông – Ân Hữu	Hộ mới thoát nghèo
42	Nguyễn Văn Tới	052057003574	Xuân Sơn – Ân Hữu	Hộ cận nghèo
43	Đặng Công Thành	52074019123	An Thường 1 – Ân Thạnh	Hộ cận nghèo
44	Nguyễn Thị Minh Tuyết	52178012820	An Thường 1 – Ân Thạnh	Hộ nghèo
45	Nguyễn Thành Phước	52068011433	An Thường 1 – Ân Thạnh	Hộ cận nghèo
46	Lê Phước Quang	52080002533	An Thường 2 – Ân Thạnh	Hộ cận nghèo
47	Lê Quốc Lập	52074019123	An Thường 2 – Ân Thạnh	Hộ nghèo
48	Nguyễn Văn Bình	52178012820	An Thường 2 – Ân Thạnh	Hộ nghèo
49	Võ Thị Bé	52068011433	Thế Thạnh 1 – Ân Thạnh	Hộ cận nghèo
50	Lê Thị Ái Nữ	52080002533	Thế Thạnh 1 – Ân Thạnh	Hộ cận nghèo
51	Đỗ Hữu Quang	52074019123	Thế Thạnh 1 – Ân Thạnh	Hộ cận nghèo
52	Nguyễn Thái Đoàn	52178012820	Thế Thạnh 2 – Ân Thạnh	Hộ cận nghèo
53	Trần Thị Út	52068011433	Thế Thạnh 2 – Ân Thạnh	Hộ nghèo
54	Nguyễn Thị Hồng	52080002533	Thế Thạnh 2 – Ân Thạnh	Hộ cận nghèo

	Loan			
55	Huỳnh Văn Ân	52074019123	Phú Văn – Ân Thạnh	Hộ nghèo
56	Nguyễn Quốc Bảo	52178012820	Phú Văn – Ân Thạnh	Hộ cận nghèo
57	Lê Thị Lệ	52068011433	Phú Văn – Ân Thạnh	Hộ nghèo
58	Võ Hồng Quang	52080002533	Hội An – Ân Thạnh	Hộ cận nghèo
59	Lê Văn Nam	52074019123	Hội An – Ân Thạnh	Hộ cận nghèo
60	Hồ Thị Thanh Vân	52178012820	Hội An – Ân Thạnh	Hộ mới thoát nghèo
61	Đặng Như Thuận	52080002533	An Thiện – Ân Phong	Hộ nghèo
62	Phạm Thị Kiều Loan	52074019123	An Đôn – Ân Phong	Hộ nghèo
63	Nguyễn Thị Quy	52178012820	An Đôn – Ân Phong	Hộ nghèo
64	Đỗ Thị Chư	52068011433	An Chiêu – Ân Phong	Hộ nghèo
65	Lê Văn Nhân	52080002533	An Chiêu – Ân Phong	Hộ nghèo
66	Trần Văn Háo	52074019123	An Chiêu – Ân Phong	Hộ nghèo
67	Lê Thị Lành	52178012820	An Hòa – Ân Phong	Hộ cận nghèo
68	Nguyễn Thị Thu	52068011433	An Hòa – Ân Phong	Hộ cận nghèo
69	Đinh Thị Tuyển	52080002533	An Hòa – Ân Phong	Hộ nghèo
70	Đặng Văn Chính	52074019123	An Hòa – Ân Phong	Hộ nghèo
71	Đặng Văn Nổi	52178012820	An Hòa – Ân Phong	Hộ nghèo
72	Huỳnh Văn Trường	52068011433	An Hòa – Ân Phong	Hộ nghèo
73	Nguyễn Anh Tuấn	52080002533	An Hòa – Ân Phong	Hộ nghèo
74	Huỳnh Công Định	52074019123	Linh Chiêu – Ân Phong	Hộ nghèo
75	Phan Thị Huệ	52178012820	An Hậu – Ân Phong	Hộ nghèo
76	Đặng Thị Châu	52068011433	An Hậu – Ân Phong	Hộ nghèo
77	Nguyễn Thị Long	52080002533	An Hậu – Ân Phong	Hộ nghèo
78	Lưu Văn An	52074019123	An Hậu – Ân Phong	Hộ cận nghèo
79	Trần Thị Diệp	52178012820	An Hậu – Ân Phong	Hộ nghèo
80	Lê Hữu Long	52068011433	An Hậu – Ân Phong	Hộ nghèo
	Tổng cộng	80 hộ		

PHỤ LỤC SỐ 2
TỔNG HỢP NỘI DUNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT DỰ ÁN LIÊN KẾT CHĂN NUÔI VÀ TIÊU THỤ BÒ THỊT VỎ BÉO CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HOÀI AN, TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng	Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Kinh phí đối ứng	
				Người dân tham gia đối ứng	HTX NN TN Hoài An đối ứng
	Tổng kinh phí	6.005.231.000	2.996.767.000	2.950.864.000	57.600.000
	<i>Tỷ lệ thành phần (%)</i>	<i>100</i>	<i>49,90</i>	<i>49,14</i>	<i>0,96</i>
1	Giống vật nuôi, thuốc thú y, thức ăn, chuồng trại	4.477.728.000	2.806.864.000	1.670.864.000	
1.1	Bò giống (01 hộ hỗ trợ 02 con x 80 hộ)	2.880.000.000	2.448.000.000	432.000.000	
1.2	Thuốc tây nội, ngoại ký sinh trùng	8.800.000	8.800.000		
1.3	Thuốc bổ	7.200.000	7.200.000		
1.4	Thức ăn phối trộn	638.928.000	319.464.000	319.464.000	
1.5	Cỏ ủ tươi	622.800.000	23.400.000	599.400.000	
1.6	Xây dựng, sửa chữa chuồng trại	320.000.000		320.000.000	
2	Công chăn nuôi của hộ	1.280.000.000		1.280.000.000	
3	Tập huấn kỹ thuật (8 lớp: 01 lớp/xã x 04 xã x 02 đợt)	47.200.000	47.200.000		
4	Cán bộ kỹ thuật hướng dẫn, trực tiếp theo dõi dự án	57.600.000			57.600.000

5	Chi phí quản lý, xây dựng dự án (2,73%)	142.703.000	142.703.000		
5.1	Chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện, đối tượng tham gia dự án	6.308.000	6.308.000		
5.2	Chi phí tổ chức thẩm định thực tế của Tổ công tác giúp việc cho Hội đồng thẩm định	14.310.000	14.310.000		
5.3	Chi phí họp Hội đồng thẩm định dự án	18.510.000	18.510.000		
5.4	Chi Hội nghị triển khai	15.400.000	15.400.000		
5.5	Chi Hội nghị tổng kết	15.400.000	15.400.000		
5.6	Chi phí khác	72.775.000	72.775.000		